TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 90/2025/HS-ST
Ngày: 22/7/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Lâm.

***Các hội thẩm nhân dân*:** Ông Hoàng Văn Hưng.

Bà: Trần Thị Lan Hương.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hà Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa:

Ông: Nguyễn Kiên Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 73/2025/TLST-HS ngày 25/6/2025. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2025/QĐXXST-HS ngày 08/7/2025, đối với bị cáo:

Nguyễn Văn H, sinh năm 1984, tại: tỉnh Hưng Yên. Giới tính: Nam

HKTT: thôn T, xã Q, huyện P, tỉnh Hưng Yên (nay là thôn T, xã Q, tỉnh Hưng Yên).

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Con ông: Nguyễn Văn Đ (đã chết); Con bà: Đặng Thị C; Vợ là Nguyễn Thị D; Bị cáo có 03 con, lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2019.

Tiền án, tiền sự: Chưa có.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang tại ngoại tại địa phương (có mặt tại phiên tòa).

****Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1989; trú tại: thôn Thọ Lão, xã Quang Hưng, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên

(Nay là thôn Thọ Lão, xã Quang Hưng, tỉnh Hưng Yên). có mặt

2. Anh Vũ Huy M, sinh năm 1982; trú tại: Khu 1, thị trấn Kẻ Sặt, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương

(Nay là Khu 1, xã Kẻ Sặt, thành phố Hải Phòng). Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt

3. Chị Nguyễn Thị O, sinh năm 1990; trú tại: Thôn Phan Xá, xã Tống Phan, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên

(Nay là Thôn Phan Xá, xã Quang Hưng, tỉnh Hưng Yên). Vắng mặt

4. Anh Nguyễn Xuân H1, sinh năm 1977; trú tại: Thôn Trần Hạ, TT. Trần Cao, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên

(Nay là Thôn Trần Hạ, xã Quang Hưng, tỉnh Hưng Yên) . Vắng mặt

5. Anh Nguyễn Văn H2, sinh năm 1985; trú tại: Thôn Thọ Lão, xã Quang Hưng, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên

(Nay là Thôn Thọ Lão, xã Quang Hưng, tỉnh Hưng Yên). Vắng mặt

6. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1990; trú tại: Thôn Phan Xá, xã Tống Phan, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên

(Nay là Thôn Phan Xá, xã Quang Hưng, tỉnh Hưng Yên). Vắng mặt

7. Anh Trần Xuân H3, sinh năm 1978; trú tại: Thôn Hạ Cát, xã Tống Phan, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên

(Nay là Thôn Hạ Cát, xã Quang Hưng, tỉnh Hưng Yên). Vắng mặt

8. Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1984; trú tại: Thôn Hạ Cát, xã Tống Phan, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên

(Nay là Thôn Hạ Cát, xã Quang Hưng, tỉnh Hưng Yên). Vắng mặt

9. Ông Phạm Văn K, sinh năm 1966; trú tại: Thôn Tống Xá, xã Tống Phan, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên

(Nay là Thôn Tống Xá, xã Quang Hưng, tỉnh Hưng Yên). Vắng mặt

10. Bà Lê Thị H4, sinh năm 1966; trú tại: Thôn Cát Dương, xã Tống Phan, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên

(Nay là Thôn Cát Dương, xã Quang Hưng, tỉnh Hưng Yên). Vắng mặt

11. Anh Doãn Văn L, sinh năm 1983; trú tại: Thôn Tống Xá, xã Tống Phan, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên

(Nay là Thôn Tống Xá, xã Quang Hưng, tỉnh Hưng Yên). Vắng mặt

12. Ông Bùi Văn Â, sinh năm 1953; trú tại: Thôn Hạ Cát, xã Tống Phan, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên

(Nay là Thôn Hạ Cát, xã Quang Hưng, tỉnh Hưng Yên). Vắng mặt

13. Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1965; trú tại: Thôn Phan Xá, xã Tống Phan, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên

(Nay là Thôn Phan Xá, xã Quang Hưng, tỉnh Hưng Yên). Vắng mặt

14. Ông Bùi Xuân Q, sinh năm 1974; trú tại: Thôn Hạ Cát, xã Tống Phan, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên

(Nay là Thôn Hạ Cát, xã Quang Hưng, tỉnh Hưng Yên). Vắng mặt

15. Ông Phí Ngọc T2, sinh năm 1982; trú tại: Thôn Thọ Lão, xã Quang Hưng, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên

(Nay là Thôn Thọ Lão, xã Quang Hưng, tỉnh Hưng Yên). Vắng mặt

16. Ông Nguyễn Văn T3, sinh năm 1957; trú tại: Thôn Thọ Lão, xã Quang Hưng, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên

(Nay là Thôn Thọ Lão, xã Quang Hưng, tỉnh Hưng Yên). Vắng mặt

17. Anh Bùi Văn S, sinh năm 1983; trú tại: Thôn Hạ Cát, xã Tống Phan, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên

(Nay là Thôn Hạ Cát, xã Quang Hưng, tỉnh Hưng Yên). Vắng mặt

18. Ông Nguyễn Văn N1, sinh năm 1969; trú tại: Thôn Phan Xá, xã Tống Phan, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên

(Nay là Thôn Phan Xá, xã Quang Hưng, tỉnh Hưng Yên). Vắng mặt

19. Ông Nguyễn Hữu Đ1, sinh năm 1962; trú tại: Thôn Phan Xá, xã Tống Phan, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên

(Nay là Thôn Phan Xá, xã Quang Hưng, tỉnh Hưng Yên). Vắng mặt

20. Ông Nguyễn Hữu T4, sinh năm 1975; trú tại: Thôn Phan Xá, xã Tống Phan, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên

(Nay là Thôn Phan Xá, xã Quang Hưng, tỉnh Hưng Yên). Vắng mặt

21. Anh Bùi Văn T5, sinh năm 1983; trú tại: Thôn Thọ Lão, xã Quang Hưng, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên

(Nay là Thôn Thọ Lão, xã Quang Hưng, tỉnh Hưng Yên). Vắng mặt

22. Ông Phí Ngọc T6, sinh năm 1977; trú tại: Thôn Thọ Lão, xã Quang Hưng, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên

(Nay là Thôn Thọ Lão, xã Quang Hưng, tỉnh Hưng Yên). Có mặt

Những người làm chứng:

1. Ông Nguyễn Văn H5, sinh năm 1957; trú tại: Thôn Quang Xá, xã Quang Hưng, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên

(Nay là thôn Quang Xá, xã Quang Hưng, tỉnh Hưng Yên). Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt

2. Ông Phan Văn Đ2, sinh năm 1967; trú tại: Thôn Cát Dương, xã Tống Phan, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên

(Nay là thôn Cát Dương, xã Quang Hưng, tỉnh Hưng Yên). Vắng mặt

3. Ông Trần Đức H6, sinh năm 1976; trú tại: Thôn Cát Dương, xã Tống Phan, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên

(Nay là thôn Cát Dương, xã Quang Hưng, tỉnh Hưng Yên).Vắng mặt

4. Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1972; trú tại: Thôn Cát Dương, xã Tống Phan, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên

(Nay là thôn Cát Dương, xã Quang Hưng, tỉnh Hưng Yên). Vắng mặt

5. Ông Trần Huy M1, sinh năm 1976; trú tại: Thôn Cát Dương, xã Tống Phan, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên

(Nay là thôn Cát Dương, xã Quang Hưng, tỉnh Hưng Yên). Vắng mặt

6. Anh Quách Đăng B, sinh năm 1998; trú tại: Thôn Viên Quang, xã Quang Hưng, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên

(Nay là thôn Viên Quang, xã Quang Hưng, tỉnh Hưng Yên). Có mặt

7. Anh Hoàng Văn T7, sinh năm 1973; trú tại: Xóm 10, xã Minh Tân, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên

(Nay là Xóm 10, xã Tiên Hưng, tỉnh Hưng Yên). Vắng mặt

8. Anh Trần Bùi T8, sinh năm 1989; trú tại: Thôn Cát Dương, xã Tống Phan, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên

(Nay là Thôn Cát Dương, xã Quang Hưng, tỉnh Hưng Yên). Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt

9. Anh Trần Văn M2, sinh năm 1987; trú tại: thôn H, xã T, huyện P, tỉnh Hưng Yên. Có mặt

(Nay là thôn H, xã T, tỉnh Hưng Yên)

10. Anh Đặng Minh K1, sinh năm 1995; trú tại: Thôn T, xã Q, huyện P, tỉnh Hưng Yên. Có mặt

(Nay là Thôn T, xã Q, tỉnh Hưng Yên)

11. Anh Trần Duy Đ3, sinh năm 1992; trú tại: Thôn T, TT T, huyện P, tỉnh Hưng Yên. Có mặt

(Nay là Thôn T, xã Q, tỉnh Hưng Yên)

12. Anh Phạm Văn H7, sinh năm 1977; trú tại: Thôn H, xã T, huyện P, tỉnh Hưng Yên.

(Nay là Thôn H, xã Q, tỉnh Hưng Yên) Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt

13. Anh Lê Công C1 (H) , sinh năm 1984; trú tại: Xóm 13, Thôn Thọ Lão, xã Quang Hưng, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên

(Nay là Xóm 13, Thôn Thọ Lão, xã Quang Hưng, tỉnh Hưng Yên).Vắng mặt

14. Anh Nguyễn Huy Q1, sinh năm 2003; trú tại: Thôn Đoàn Đào, xã Đoàn Đào, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên

(Nay là Thôn Đoàn Đào, xã Đoàn Đào, tỉnh Hưng Yên). Vắng mặt

15. Anh Nguyễn Cảnh D1, sinh năm 1988; trú tại: Thôn C, xã T, huyện P, tỉnh Hưng Yên.

(Nay là Thôn C, xã Q, tỉnh Hưng Yên) Có mặt

16. Anh Lưu Xuân L1, sinh năm 1985; trú tại: Thôn Đ, xã Đ, huyện P, tỉnh Hưng Yên.

(Nay là Thôn Đ, xã Đ, tỉnh Hưng Yên) Có mặt

17. Anh Nguyễn Thanh S1, sinh năm 1990; trú tại: Thôn T, xã Q, huyện P, tỉnh Hưng Yên.

(Nay là Thôn T, xã Q, tỉnh Hưng Yên) Có mặt

18. Anh Trần Huy Đ4, sinh năm 1992; trú tại: Thôn Trần Thượng, thị trấn Trần Cao, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên

(Nay là Thôn Trần Thượng, xã Quang Hưng, tỉnh Hưng Yên). Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng cuối tháng 11/2024, Nguyễn Văn H, sinh năm 1984, nơi cư trú: thôn T, xã Q, huyện P, tỉnh Hưng Yên (nay là thôn T, xã Q, tỉnh Hưng Yên) được ông Nguyễn Văn H5 - Giám đốc Công ty TNHH H11, địa chỉ: xã Q, huyện P đặt vấn đề thuê nạo vét một số tuyến kênh, mương trên địa bàn xã T, huyện P, gồm: Tuyến sông S (giáp đường huyện ĐH H) đến cây đa Cát D2; tuyến từ sông S (giáp đường ĐH H) đến đồng chè thôn H và thôn C; tuyến sau kho K41 thôn H đến sông S (*Công ty TNHH H11 là đơn vị trúng thầu thi công dự án vét Đông - Xuân năm 2024 - 2025 trên địa bàn huyện P do Phòng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện P là chủ đầu tư*). Hai bên thỏa thuận miệng với nội dung ông H5 sẽ trả cho H 7.000đồng/01m^3 đất nạo vét, đất nạo vét phải đắp bờ kênh mương mà không được sử dụng vào mục đích khác; thời điểm nạo vét ông H5 sẽ thông báo cho H sau khi nhận bàn giao mặt bằng từ cơ quan quản lý Nhà nước. Tiếp đến, khoảng đầu tháng 12/2024, Nguyễn Văn H được ông Phan Văn Đ2 - trưởng thôn C, xã T, huyện P đặt vấn đề thuê nạo vét một số tiểu thủy lợi nội đồng (*tiểu câu*) tại cánh đồng Mái thuộc xóm G, thôn C, xã T Ngày 05/12/2024, đại diện người dân xóm G là ông Trần Đức H6 - Chi ủy viên Chi bộ thôn C; bà Nguyễn Thị V - Chi hội phụ nữ thôn C; ông Trần Huy M1, sinh năm 1976, trú tại: thôn C và H cùng nhau lập "*Hợp đồng nạo vét kênh cấp 3*"; thỏa thuận: xóm G, thôn C thuê H nạo vét tiểu câu sâu 50cm và đắp đất nạo vét vào những đoạn bờ đứt, nếu còn thừa đất tập kết vào một chỗ để sau này phục vụ cho việc đắp lề đường hoặc đưa đến vùng chuyển đổi với giá 300.000đồng/giờ. Đại diện thôn C thống nhất, thời gian nạo vét sẽ thông báo cho H sau khi lãnh đạo thôn báo cáo, được cấp trên đồng ý.

Mặc dù, không có Giấy phép khai thác khoáng sản, chưa được ông H5 và đại diện thôn C thông báo nhưng từ ngày 02/12/2024 đến ngày 09/12/2024, H đã tự ý thuê: 01 máy đào nhãn hiệu YAMAR của anh Quách Văn B1 (*anh B1 thuê anh Hoàng Văn T7 điều khiển*); 01 máy đào nhãn hiệu KOBELCO của ông Phí Ngọc T6, (*ông H thuê anh Bùi Văn T9 điều khiển*) và 01 máy đào nhãn hiệu HITACHI ZX75 của anh Trần Văn M2 tiến hành nạo vét 03 tuyến kênh mương và một số tiểu câu nêu trên. Đồng thời, H thuê các anh Đặng Minh K1 (lái xe BKS: 29C-028.83); anh Trần Duy Đ3 (lái xe BKS: 89C-103.33); anh Phạm Văn H7 (lái xe BKS: 89C-313.93) anh Lê Công C1 (*tên thường gọi là H* (lái xe BKS: 16L-9451); anh Nguyễn Huy Q1 (lái xe BKS: 89C-288.04); anh Nguyễn Cảnh D1 (lái xe BKS 89C-284.93); anh Quách Đăng B (lái xe BKS: 79H-022.50); anh Lưu Xuân L1 (lái xe BKS: 89C-284.21); anh Nguyễn Thanh S1 (lái xe BKS: 89C-284.46); anh Bì Văn S2 (lái xe BKS: 89C-284.60) vận chuyển số đất nạo vét được mang đi bán cho một số cá nhân, hộ dân trên địa bàn huyện P để kiếm lời.

Để theo dõi các chuyến xe vận chuyển đất đi bán, H đã nhờ chị Nguyễn Thị D (là vợ H) ghi chép trên các bảng kê: Bảng kê đề chữ "XE BÉ" và bảng kê đề chữ "XE TO" giúp thuận tiện cho việc thu tiền.

Vào hồi 11 giờ 20 phút ngày 09/12/2024, khi Nguyễn Mạnh H8 đang thuê múc đất nạo vét một số tiểu câu tại cánh đồng Mái thuộc xóm G, thôn C và chở đất đến bán cho anh Vũ Huy M để đắp bờ kè dự án kè sông B đã bị tổ công tác Phòng cảnh sát kinh tế - Công an tỉnh H phối hợp với Công an xã Q phát hiện, lập biên bản vụ việc, tạm giữ 02 phương tiện gồm: 01 xe ô tô tải BKS: 89C-284.21 của anh Lưu Xuân L1 điều khiển đang dừng đỗ và 01 máy đào nhãn hiệu HITACHI ZX75 do anh Trần Văn M2 đang điều khiển múc đất từ trên thùng xe tải ô tô BKS 89C-284.21 xuống đắp bờ kè dự án sông B. Tại cánh đồng Mái thuộc địa phận thôn C, lập biên bản tạm giữ 05 phương tiện gồm: 01 máy đào nhãn hiệu KOBELCO do anh Bùi Văn T9 đang điều khiển múc đất từ máng thủy lợi nội đồng; 01 xe tải BKS: 89C-284.93 của anh Nguyễn Cảnh D1 (trên thùng xe ô tô có 7,6m^3 đất - Cơ quan điều tra đã tạm giao cho UBND xã T); 01 xe ô tô tải, BKS: 89C-103.33 của anh Trần Duy Đ3; 01 xe ô tô tải BKS: 89C-028.83 của anh Đặng Minh K1 đang dừng đỗ để chờ máy đào múc đất lên thùng xe vận chuyển đi; 01 máy đào nhãn hiệu YANMAR do anh Hoàng Văn T7 điều khiển đang đợi xe ô tô tải để múc đất từ mương thủy lợi chở đi.

Ngày 10/12/2024, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an tỉnh H phối hợp với Phòng K2 (PC09) - Công an tỉnh H và các thành phần có liên quan tiến hành đo đạc tại các vị trí Nguyễn Văn H nạo vét, khai thác đất trên địa bàn xã T, kết quả xác định:

-*Vị trí thứ nhất:* Tại cánh đồng Mái thôn C thuộc các thửa đất số: 129, 85, 152, 176, tờ bản đồ số 13 và thửa số 62, tờ bản đồ số 12; địa chỉ: thôn C, xã T Khối lượng đất bị khai thác trái phép là: 170,9m^3.

-*Vị trí thứ hai:* Tại tuyến mương từ sông S (giáp đường H) đến cây đa Cát D2 thuộc thửa đất số: 23, tờ bản đồ số 13 và thửa số 329, tờ bản đồ số 09; địa chỉ: thôn C, xã T Khối lượng đất bị khai thác trái phép là: 604,8m^3.

-*Vị trí thứ ba:* Tại tuyến mương từ sông S (giáp đường H) đến đồng C thôn H và thôn C thuộc các thửa đất số: 51, 136, tờ bản đồ số 13 và thửa số 456, tờ bản đồ số 09; địa chỉ: thôn C, xã T Khối lượng đất bị khai thác trái phép là: 1.409,9m^3.

-*Vị trí thứ bốn:* Tại tuyến sau kho K41 thôn H đến sông S thuộc các thửa đất số: 278, 279, tờ bản đồ số 14 và thửa số 238, tờ bản đồ số 13; địa chỉ: thôn H, xã T Khối lượng đất bị khai thác trái phép là: 87,75m^3.

Tổng khối lượng đất tại các vị trí Nguyễn Văn H khai thác trái phép vận chuyển đi bán thu lời (*được làm tròn*) là: 2.173m^3.

Cơ quan điều tra tiến hành trưng cầu giám định đối với 06 mẫu vật thu giữ tại 04 vị trí Nguyễn Văn H đào múc nêu trên, trên chiếc xe ô tô đang chở đất BKS: 89C-284.21 và đất đổ tại dự án kè sông B thuộc thôn N, xã Q, huyện P.

Theo Văn bản số: 13/KLGĐ ngày 10/01/2025 của Công ty TNHH T11, kết luận:

- 06 mẫu đất giám định ký hiệu: MĐ, MĐX, M1, M12, M13, M14 là khoáng sản (đất) làm vật liệu xây dựng thông thường theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 64 Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010.

Theo kết luận giám định số: GĐ/06-2025 ngày 12/02/2025 của Trung tâm phân tích và kiểm định địa chất thuộc Cục Đ5, kết luận: 06 mẫu giám định ký hiệu MĐ, MĐX, M1, M12, M13, M14 là khoáng sản (sét làm gạch).

Ngày 17/02/2025, Cơ quan điều tra ban hành yêu cầu định giá tài sản số: 1071/YC-CSKT đề nghị Hội đồng định giá tài sản tỉnh Hưng Yên xác định giá trị 2.173m^3 khoáng sản (*sét làm gạch*) do Nguyễn Văn H khai thác trái phép tại thời điểm tháng 12/2024.

Theo kết luận định giá tài sản số: 89/KL-HĐĐG ngày 16/5/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Hưng Yên, kết luận: 2.173m^3 khoáng sản là sét làm gạch có giá trị: 79.567.250 đồng.

Tại Công văn số: 184/STNMT-TNN ngày 15/01/2025 của Sở nông nghiệp và môi trường tỉnh H khẳng định: Từ trước đến nay, Sở nông nghiệp và môi trường tỉnh H không tiếp nhận hồ sơ và UBND tỉnh H không cấp Giấy phép khai thác khoáng sản (*đất*) cho tổ chức, cá nhân nào tại khu vực xã T, huyện P.

Qua khai thác nội dung các Bảng kê đề chữ "XE BÉ" và "XE TO" do Nguyễn Văn H giao nộp, Cơ quan điều tra, xác định: Các Bảng kê thể hiện nội dung ngày vận chuyển, số chuyến xe, tên người lái xe và tên người mua đất, phù hợp với lời khai của Nguyễn Văn H, chị Nguyễn Thị D, của những lái xe ô tô, người mua đất, phù hợp với nội dung kết luận giám định chữ viết trên Bảng kê là của chị D. Có cơ sở khẳng định: Từ ngày 02/12/2024 đến sáng ngày 09/12/2024, trong quá trình nạo vét kênh mương, tiểu câu, H đã múc đất vận chuyển bán được tổng số 674 chuyến xe chở đất (*gồm 253 xe nhỏ và 421 xe to*) cho 20 cá nhân. Nguyễn Văn H đã thu được 375.400.000 đồng tiền bán đất. Cụ thể:

1.Bán 121 xe đất cho anh Vũ Huy M thu số tiền: 83.500.000 đồng.

2.Bán 190 xe đất cho chị Nguyễn Thị O thu số tiền: 81.000.000đồng.

3.Bán 13 xe đất cho anh Nguyễn Xuân H1 thu số tiền: 3.900.000đồng.

4.Bán 22 xe đất cho anh Nguyễn Văn H2 thu số tiền: 8.800.000đồng.

5.Bán 04 xe đất cho anh Nguyễn Văn Trung T10 số tiền: 1.200.000đồng.

6.Bán 15 xe đất cho anh Trần Xuân H3 thu số tiền: 10.500.000đồng.

7.Bán 16 xe đất cho anh Nguyễn Văn T1 thu số tiền: 11.200.000đồng.
8.Bán 12 xe đất cho ông Phạm Văn K thu số tiền: 8.700.000đồng.
9.Bán 02 xe đất cho bà Lê Thị H4 thu số tiền: 1.400.000đồng.
10.Bán 34 xe đất cho anh Doãn Văn L thu số tiền: 23.800.000đồng.
11.Bán 30 xe đất cho ông Bùi Văn Â thu số tiền: 20.600.000đồng.
12.Bán 04 xe đất cho ông Nguyễn Văn N thu số tiền: 900.000đồng.
13.Bán 14 xe đất cho ông Bùi Xuân Q thu số tiền: 9.800.000đồng.
14.Bán 31 xe đất cho ông Phí Ngọc T2 thu số tiền: 20.300.000đồng.
15.Bán 70 xe đất cho ông Nguyễn Văn T3 thu số tiền: 49.000.000đồng.
16.Bán 27 xe đất cho anh Bùi Văn S thu số tiền: 18.900.000đồng.
17.Bán 61 xe đất cho ông Nguyễn Văn N1 thu số tiền: 18.300.000đồng.
18.Bán 03 xe đất cho ông Nguyễn Hữu Đ1 thu số tiền: 2.100.000đồng.
19.Bán 02 xe đất cho ông Nguyễn Hữu T4 thu số tiền: 600.000đồng.
20.Bán 03 xe đất cho anh Bùi Văn T5 thu số tiền: 900.000đồng.

Đối với những người mua đất của Nguyễn Văn H nêu trên đều trình bày, khi mua hoàn toàn không biết nguồn gốc đất do H phạm tội mà có và đã thanh toán tiền mua đất cho H, phù hợp với lời khai của H. Do vậy, không có căn cứ để xử lý.

Kiểm tra hiện trạng đất các cá nhân mua về san lấp lẫn với đất sẵn có tại vườn ao nên không tiến hành thu giữ được. Riêng khối lượng đất H khai thác trái phép bán cho anh Vũ Huy M được vận chuyển để đắp bờ kè dự án kè sông B, xác định được là 712m^3 đất. ngày 20/12/2024, anh M đã di chuyển toàn bộ khối lượng đất đã mua của H ra khỏi khu vực thi công công trình dự án "*Xử lý sạt trượt bờ hữu kênh nam kẻ Sặt từ K4+900 đến K5+100 địa phận thôn N, xã Q*" và tự nguyện giao nộp toàn bộ số lượng đất mua này để phục vụ quá trình điều tra vụ án. Cơ quan điều tra tạm giao cho UBND xã Q, huyện P quản lý để xử lý theo qui định của pháp luật.

Đối với các cá nhân là chủ sở hữu máy đào, xe ô tô và lái máy đào, lái xe ô tô tải đều trình bày được H thuê, trả tiền công theo chuyến và theo ngày, thực hiện công việc theo sự chỉ đạo, điều hành của H và không biết việc làm của H là vi phạm pháp luật, phù hợp với lời khai của H. Do đó, không có căn cứ để xem xét xử lý trách nhiệm pháp lý. Về số tiền công vận chuyển, thuê máy đào, các bên tự thỏa thuận với nhau nên không xem xét giải quyết.

Đối với 04 chiếc xe ô tô và 02 máy đào tạm giữ, kết quả xác minh xác định đây là tài sản hợp pháp có giấy tờ rõ ràng nên đã trả lại cho chủ sở hữu là các anh Đặng Minh K1 (xe ô tô tải BKS 29C-028.83); anh Trần Duy Đ3 (xe ô tô tải BKS 89C-103.33); anh Nguyễn Cảnh D1 (xe ô tô tải BKS 89C-284.93); anh Lưu Xuân L1 (xe ô tô tải BKS 89C-284.21); anh Trần Huy M3 (máy đào nhãn hiệu HITACHI ZX75) và anh Quách Đăng B (máy đào nhãn hiệu YANMAR).

Đối với 01 máy đào bánh xích nhãn hiệu KOBELCO đang tạm giữ có số khung YY0100771, số động cơ 138797. Kết quả điều tra xác định: Vào ngày 05/6/2024, Công ty TNHH X, địa chỉ: số C, ngõ A, thôn C, xã Đ, huyện G, TP . (*đơn vị nhập khẩu máy đào*) ký hợp đồng mua bán chiếc máy này với Nguyễn Văn H. H khai, máy đào này là của ông Phí Ngọc T6 nhờ H đứng tên mua hộ. Ngày 02/12/2024, ông T6 cho H thuê với giá 2.700.000đồng/ 01 ngày. Cơ quan điều tra đang tạm quản lý chiếc máy đào bánh xích nhãn hiệu KOBELCO để xem xét xử lý theo pháp luật.

Đối với chị Nguyễn Thị D là người được H nhờ ghi chép Bảng kê đề chữ "XE BÉ" và "XE TO" không biết hành vi cụ thể của H và không được H cho biết nguồn gốc đất mang đi bán từ đâu, phù hợp với lời khai của H. Do vậy, không có căn cứ để xử lý.

Đối với ông Nguyễn Văn H5 - Giám đốc Công ty TNHH H11, ông Phan Văn Đ2 - Trưởng thôn Cát D2 và các ông Trần Đức H6, Trần Huy M1 và bà Nguyễn Thị V đại diện người dân xóm G có đặt vấn đề, ký kết hợp đồng thuê Nguyễn Văn H nạo vét kênh mương, tiểu câu nội đồng, khi thỏa thuận yêu cầu đất đào lên phải dùng để đắp bờ và chỉ được thực hiện khi nhận được thông báo cho làm. Tuy nhiên, H tự ý làm trái thỏa thuận, kết quả điều tra không có chứng cứ xác định cá nhân liên quan được hưởng lợi từ việc H đào đất mang bán. Do vậy, không có cơ sở xem xét xử lý trách nhiệm hình sự.

Đối với UBND xã T, huyện P; Phòng nông nghiệp và môi trường huyện P là những đơn vị có chức năng quản lý Nhà nước về hệ thống kênh, mương thủy lợi trên địa bàn đã thiếu trách nhiệm trong công tác quản lý, kiểm tra để Nguyễn Văn H lợi dụng việc nạo vét kênh mương múc đất mang bán. Do khoáng sản là sét làm gạch mà H khai thác có giá trị dưới 100.000.000 đồng, chưa gây hậu quả nghiêm trọng nên không phạm tội hình sự. Cơ quan điều tra đã có Văn bản kiến nghị UBND huyện P xác định trách nhiệm của tập thể, cá nhân liên quan để kiểm điểm, xem xét xử lý theo qui định.

Quá trình điều tra, Nguyễn Văn H thành khẩn khai nhận hành vi như đã nêu trên, phù hợp với các tài liệu chứng cứ thu thập được. Đồng thời H tự nguyện nộp số tiền thu lợi bất chính là 200.000.000 đồng vào tài khoản tạm giữ của Công an tỉnh H.

Cáo trạng số: 82/CT-VKS-P3 ngày 24/6/2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên, truy tố bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội "*Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên*" theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 227 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên giữ nguyên quan điểm truy tố như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử, tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội "*Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên*".

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 227; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; và khoản 1, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo từ 12 tháng đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 tháng đến 30 tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo về chính quyền địa phương quản lý, giám sát trong thời gian thử thách.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo

Ngoài ra còn đề nghị về biện pháp tư pháp và án phí theo quy định của pháp luật.

* Tại phiên tòa, bị cáo không tranh luận với nội dung bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất, cho bị cáo được cải tạo tại địa phương.

* Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng: Đều xác định được H thuê lái máy, chở đất, không biết đất là do H phạm tội mà có. Quá trình chở đất và lái máy thuê đã được H trả công. Tại phiên tòa không có ý kiến, đề nghị gì. Ông Phí Ngọc T6 xác định có nhờ H mua hộ máy múc và nhờ H9 đứng tên nhưng ông không đưa ra được các tài liệu chứng cứ chứng minh.

Ông T6 nhất trí đề nghị Tòa án xem xét giải quyết đối với chiếc máy múc theo quy định của pháp luật, sau này nếu giữa ông và H không thỏa thuận thống nhất được sẽ xem xét khởi kiện trong vụ án dân sự tại Tòa án có thẩm quyền.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về hành vi, quyết định tố tụng:* Cơ quan điều tra Công an tỉnh H, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về hành vi phạm tội của bị cáo*: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, như: Biên bản phạm tội quả tang; các Bản kết luận giám định của các cơ quan chuyên môn có thẩm quyền, phù hợp khách quan với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, đã đủ căn cứ kết luận:

Nguyễn Văn H mặc dù không được cấp Giấy phép khai thác khoáng sản (đất) nhưng khoảng cuối tháng 11/2024, bị cáo có thỏa thuận với Công ty TNHH H11 thuê

nạo vét một số tuyến kênh, mương trên địa bàn xã T, huyện P. Hai bên thỏa thuận miệng với nội dung, Công ty sẽ trả cho H 7.000đồng/01m^3 đất nạo vét, đất nạo vét phải đắp bờ kênh mương mà không được sử dụng vào mục đích khác; thời điểm nạo vét ông H5 giám đốc Công ty sẽ thông báo cho H sau khi nhận bản giao mặt bằng từ cơ quan quản lý Nhà nước. Tiếp đến, khoảng đầu tháng 12/2024, Nguyễn Văn H được các lãnh đạo thôn C, xã T, huyện P đặt vấn đề thuê nạo vét một số tiểu thủy lợi nội đồng (*tiểu câu*) tại cánh đồng Mái thuộc xóm G, thôn C, xã T nội dung: xóm G, thôn C thuê H nạo vét tiểu câu sâu 50cm và đắp đất nạo vét vào những đoạn bờ đứt, nếu còn thừa đất tập kết vào một chỗ để sau này phục vụ cho việc đắp lề đường hoặc đưa đến vùng chuyển đổi với giá 300.000đồng/giờ. Đại diện thôn C thống nhất, thời gian nạo vét sẽ thông báo cho H sau khi lãnh đạo thôn báo cáo, được cấp trên đồng ý. Mặc dù, không có Giấy phép khai thác khoáng sản, chưa được ông H5 và đại diện thôn C thông báo nhưng từ ngày 02/12/2024 đến ngày 09/12/2024, H đã tự ý thuê máy đào, xe ô tô vận tải tiến hành nạo vét, múc đất tại 04 vị trí thuộc thôn C, xã T tổng khối lượng: 2.173m^3 mang bán cho các cá nhân thu lợi bất chính số tiền: 375.400.000 đồng chứ không thực hiện theo thỏa thuận.

Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ cát là nguồn tài nguyên, khoáng sản do Nhà nước quản lý và khai thác. Mặc dù có thỏa thuận nạo, vét kênh, mương với lãnh đạo thôn C và Công ty H11 nhưng khi chưa có sự thông báo của đối tác về việc thực hiện công việc, bị cáo vẫn cố ý thuê nhân công thực hiện công việc. Quá trình thực hiện công việc nạo vét, bị cáo đã sử dụng nguồn tài nguyên khoáng sản không tuân thủ cam kết mà tự ý bán ra thị trường thu lợi bất chính số tiền 375.400.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên"* được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 227 Bộ luật Hình sự. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên truy tố bị cáo ra tại phiên tòa hôm nay với tội danh và điều luật trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] *Về tính chất hành vi phạm tội của bị cáo*: Hành vi phạm tội của bị cáo xâm phạm đến chế độ quản lý Nhà nước về khai thác tài nguyên, khoáng sản. Bị cáo nhận thức được đất là nguồn tài nguyên khoáng sản thuộc sở hữu quốc gia do Nhà nước trực tiếp quản lý và cấp phép khai thác cho các Cơ quan, đơn vị có đủ điều kiện nhưng vì động cơ, mục đích thu lời bất chính bị cáo đã bất chấp các quy định cấm của Nhà nước đối với các hoạt động khai thác, ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương. Vì vậy, cần xét xử và dành cho bị cáo một mức hình phạt tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do bị cáo gây ra để cải tạo, giáo dục đối với bị cáo và làm bài học răn đe phòng ngừa tội phạm chung.

[4] *Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo:*

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Quá trình điều tra và chuẩn

bị xét xử, bị cáo đã tự nguyện nộp lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính. Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng quy định tại các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo có bố đẻ có công với cách mạng được Nhà nước tặng thưởng H10, Huy chương. Bị cáo có đơn trình bày hoàn cảnh gia đình và xin được cải tạo tại địa phương, có xác nhận và đề nghị của chính quyền địa phương nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Đặc điểm nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

[5] Về hình phạt:

Trên cơ sở các đặc điểm nhân thân và các tình giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng, hội đồng xét xử nhận thấy: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự và được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội đã tích cực khắc phục, nộp lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính, hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bản thân bị cáo không phải là đối tượng hình sự nguy hiểm và có nơi cư trú rõ ràng. Do vậy, khi cân nhắc hình phạt đối với bị cáo, hội đồng xét xử nhận thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian mà tuyên phạt bị cáo hình phạt tù có điều kiện. Giao bị cáo về chính quyền địa phương quản lý, giám sát trong thời gian thử thách cũng đủ răn đe, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội có thu lợi bất chính, lẽ ra cần xử phạt bị cáo hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, bị cáo không có công ăn việc làm và thu nhập ổn định. Xét miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng

+ *Biện pháp tư pháp:* Đối với số tiền 375.400.000 đồng bị cáo thu lợi bất chính, bị cáo đã tự nguyện nộp lại nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

+ *Vật chứng:*

- Đối với 01 máy đào bánh xích nhãn hệu KOBELCO có số khung YY0100771, số động cơ 138797 (Hiện Cơ quan CSĐT Công an tỉnh H đang quản lý). Bị cáo trực tiếp đứng tên hợp đồng mua bán, bị cáo trình bày mua hộ ông Phí Ngọc T6, ông T6 nhờ bị cáo đứng tên hộ nhưng bị cáo cũng như ông T6 không đưa ra được các tài liệu chứng cứ chứng minh nên không có căn cứ xem xét. Do vậy, xác đây là tài sản thuộc sở hữu chung của bị cáo và chị D, bị cáo đã sử dụng làm phương tiện phạm tội, chị D không nắm được nên cần tịch thu, phát mại sung ngân sách Nhà nước đối với $^1/_2$ giá trị chiếc máy này là phần tài sản thuộc sở hữu của bị cáo, trả lại

chị D $^1/_2$ giá trị chiếc máy là tài sản thuộc sở hữu của chị D. Sau này giữa bị cáo và ông T6 có xảy ra tranh chấp liên quan đến chiếc máy này có quyền khởi kiện trong vụ án dân sự tại Tòa án có thẩm quyền.

- Đối với 712m^3 đất là khoáng sản sét làm gạch (lưu giữ tại địa phận xã Q trước đây) H bán cho anh Vũ Huy M được vận chuyển để đắp bờ kè dự án kè sông B, anh M đã tự nguyện giao nộp toàn bộ số lượng đất mua này để phục vụ quá trình điều tra vụ án. Xét thấy, số đất này anh M mua của H ngay thẳng, không biết do H phạm tội mà có, anh M đã thanh toán cho H số tiền mua đất 83.500.000 đồng. Lẽ ra cần buộc bị cáo phải khắc phục trả lại hiện trạng ban đầu nhưng hiện tại các kênh, mương, tiểu câu đã được nạo vét và đưa vào khai thác tốt, mặt khác bị cáo đã tự nguyện nộp lại ngân sách Nhà nước toàn bộ số tiền bị cáo đã bán số đất này nên cần giao lại cho anh M được sử dụng.

- Đối với: 7,6 m^3 đất là khoáng sản sét làm gạch thu giữ trên cánh đồng Mái ở thôn C thuộc xã T (Nay là xã Q). Đây là tài sản của nhà nước nên cần giao cho UBND xã Q, tỉnh Hưng Yên xử lý theo quy định của pháp luật.

[7]. *Về án phí*: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội "***Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên***".

2/Hình phạt:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 227; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, và khoản 1, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 09 (*chín*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (*một*) năm 06 (*sáu*) tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo về UBND xã Q quản lý và Công an xã Q, tỉnh Hưng Yên giám sát trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3/ Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Áp dụng điều 46; 47 và điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền do bị cáo phạm tội mà có, bị cáo đã tự nguyện nộp: 375.400.000 đồng (*ba trăm bảy mươi lăm triệu bốn trăm nghìn đồng*).

+ Tịch thu, phát mại sung ngân sách Nhà nước: 1/2 giá trị 01 máy đào bánh xích nhãn hiệu KOBELCO có số khung YY0100771, số động cơ 138797 (Hiện Cơ quan CSĐT Công an tỉnh H đang quản lý). Trả lại chị Nguyễn Thị D 1/2 giá trị chiếc máy này.

+ Giao cho anh Vũ Huy M được quản lý và sử dụng 712m^3 đất là khoáng sản sét làm gạch (lưu trữ tại địa phận xã Q trước đây) mà anh đã tự nguyện giao nộp hiện UBND xã Q, tỉnh Hưng Yên đang quản lý.

+ Giao UBND xã Q, tỉnh Hưng Yên xử lý 7,6m^3 đất là khoáng sản sét làm gạch (lưu giữ tại địa phận xã T), hiện UBND xã Q đang quản lý.

(*Đặc điểm theo biên bản giao, nhận vật chứng giữa Cục thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên "Nay là Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên và Công an tỉnh H).*

4/ Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng *(hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

5/ Quyền kháng cáo: Bị cáo, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Vụ GĐKT 1 - TAND tối cao;
- Viện phúc thẩm VKSND tối cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- CQ CSĐT-Công an tỉnh Hưng Yên;
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Hưng Yên;
- THADS tỉnh Hưng Yên;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, VP, THS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Ngọc Lâm